

Bản án số: 29/2022/HS-PT

Ngày 12-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ

Các Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân

Bà Nông Biên Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Nhưồng, Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:

Bà Nông Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2022/QĐXXPT-HS ngày 29/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lô Thị L; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1969 tại huyện HA, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm NT, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã ĐH, Con ông: Lô Quang Ph (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1935; Trú tại: xóm BG, xã HT, huyện HA, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chồng: Đàm Văn B (đã chết); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Bị cáo có 6 anh, chị, em ruột, là con thứ năm trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 03/12/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh. Có mặt.

2. Họ và tên: Mông Thị T1; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1987 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 03/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm SK, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con ông: Mông Thế P1, đã chết; Con bà: Hoàng Thị D1, sinh năm 1965; Trú tại:

xóm SK, xã KT, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chồng: Mông Thế Hường, sinh năm 1986; Trú tại: xóm SK, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 03 chị em ruột, Bị cáo là con cả trong gia đình;

Tiền án: Ngày 17/12/2020 bị Tòa án nhân dân huyện TK xử phạt 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2019 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 30/11/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt).

3. Họ và tên: Hà Thị A; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1979 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ y tế; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội: Trạm trưởng trạm Y tế thị trấn TK, (hiện đang công tác tại Trung tâm y tế huyện TK); Đảng viên: không; Con ông Hà Đức T2 (đã chết) và bà La Thị M2 (sinh năm 1955), Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chồng: Lương Văn Th2, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn ĐL, TM, thành phố Bắc Giang; Nghề nghiệp: Cán bộ; Con: Có một con sinh năm 2002; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 02 chị, em ruột, bị cáo là con cả trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/3/2019 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 17/8/2021. Được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

4. Họ và tên: Mông Thị H2; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 21 tháng 11 năm 1983 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm NT, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Mông Thế L2 và bà Ngân Thị R2 (đều đã chết); Chồng: Mông Thế H2, sinh năm 1984; Trú tại: xóm NT, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; có một con sinh năm 2010; Bị cáo có 03 chị em ruột, là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/3/2019 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 24/8/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

5. Họ và tên: Nông Thị L2; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1975 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm SK, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Cán bộ y tế xã PN, (hiện đang công tác tại Trung tâm y tế huyện TK); Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ: Không; Đảng viên: không; Con ông: Mông Thế C3, sinh năm 1950; Trú tại: xóm SK, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Hưu trí; Con bà: Nguyễn Thị L3, sinh năm 1950; Trú tại: SK, ĐH, TK, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chồng: Mông Thế L4, sinh năm 1971; Trú tại: SK, ĐH, TK, Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 02 chị, em ruột, Bị cáo là con cả trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/3/2019 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 26/8/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

6. Họ và tên: Mông Thị T5; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1976 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 1, phường HC, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Con ông: Mông Thế C3, sinh năm 1950; Trú tại: xóm SK, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Hưu trí; Con bà: Nguyễn Thị L3, sinh năm 1950; Trú tại: xóm SK, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chồng: Ngân Bá B5, đã chết; Con: Có một con sinh năm 2001; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 02 chị, em ruột, Bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2009 bị Công an tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 26/8/2021. Được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Họ và tên: Lê Thị L6; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 20 tháng 8 năm 1981 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm NN1, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:

Trồng trọt; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lê Thanh Phong và bà Mã Thị Trâm, đều đã chết; Chồng: Mông Đàm Quốc, sinh năm 1980; Trú tại: xóm NN1, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con: Có một con sinh năm 2001; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 07 anh, chị, em ruột, Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/8/2018 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 26/8/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Họ và tên: Hoàng Văn H6; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05 tháng 9 năm 1993 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 8, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con ông: Hoàng Văn H7, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị Ng7, sinh năm 1967 cùng làm nghề lao động tự do và trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Vợ con: Chưa có; Bị cáo có 02 chị em ruột, là con út trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/4/2017 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản; Ngày 27/5/2019 bị Công an huyện TK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 26/8/2021. Được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Họ và tên: Mạc Thị M8; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 16 tháng 8 năm 1973 tại huyện QH, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 10/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm Thôn Ga, xã QT, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con ông: Mạc Văn S8, đã chết; Con bà: Ma Thị L8, đã chết; Chồng: Tô Quang Trung, đã chết; Con: Có một con sinh năm 1995; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 05 anh, chị, em ruột, Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 10/9/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 10/6/2022, bị Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện TK, bị cáo được trích xuất có mặt tại tòa.

10. Họ và tên: Lương Thị L4; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có.

Sinh ngày 05 tháng 6 năm 1970 tại huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 11/12; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm Nà Thông - Pác Đông, xã PN, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Con ông: Lương Đình Ng4, sinh năm 1936; Trú tại: xóm Bản Mới, xã KT, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con bà: Ngôn Thị L44, đã chết; Chồng: Nông Văn Kh4, sinh năm 1965; Trú tại: xóm Nà Thông - Pác Đông, xã PN, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; có một con sinh năm 2004; Anh, chị, em ruột: Bị cáo có 07 anh, chị em ruột, Bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TK, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/8/2021 đến ngày 08/10/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án này còn có các bị cáo: Nguyễn Duy Ph6; Nguyễn Duy Ph66; Vương Văn Tr6; Đàm Thị Th6; Nông Thị N6; Đào Văn Th66; Hoàng Thị Th666 và Hoàng Văn H666 bị Tòa án nhân dân huyện TK xử phạt tiền về tội đánh bạc nhưng các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án nên Tòa án phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 21 giờ 30 ngày 01/8/2021, tổ công tác Công an huyện TK phối hợp với Công an xã ĐH làm nhiệm vụ tại xóm NT, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang tại nhà Lô Thị L, sinh năm 1969, trú tại xóm NT, xã ĐH, huyện TK có 02 nhóm đánh bạc (đánh Liêng) tại tầng 1.

Kiểm tra trên chiếu bạc thứ nhất: Thu giữ số tiền 10.150.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Có 09 người đang quay tròn trên một chiếu nhựa gồm: Nông Thị N6, sinh năm 1970, trú tại Tổ dân phố 7, thị trấn TK, huyện TK; Mạc Thị M8, sinh năm 1973, trú tại xóm Thôn Ga, xã QT, huyện TK; Đào Văn Th66, sinh năm 1986, tạm trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn TK, huyện TK; Mông Thị T5, sinh năm 1976, trú tại Tổ 1, phường HC, thành phố Cao Bằng; Hoàng Thị Th6, sinh năm 1983, trú tại xóm Keo Giáo - Phia Siêm, xã Ngọc Côn, huyện TK; Hoàng Văn H666, sinh năm 1988, trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn TK, huyện TK; Lương Thị L4, sinh năm 1970, trú tại xóm Nà Thông - Pác Đông, xã Đình Phong, huyện TK; Mông Thị T1, sinh năm 1987, trú tại xóm SK, xã ĐH, huyện TK; Nguyễn Duy Ph66, sinh năm 1987, tạm trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn TK, huyện TK.

Thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ bài gồm 52 quân bài; thu giữ trong người Nông Thị N6 số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng); Đàm Văn Th69 số tiền

10.535.000 đồng (Mười triệu năm trăm ba mươi năm nghìn đồng); Mông Thị T5 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Hoàng Thị Th666 số tiền 8.880.000 đồng (Tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), 01 túi xách màu đen bên trong có các loại giấy tờ cá nhân của Thẻ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trong người Lương Thị L4 số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; Mông Thị T1 số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; Nguyễn Duy Ph66 số tiền 1.470.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; Hoàng Văn H666 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; thu 01 chiếc nhựa và chặn dùm đánh bạc.

Kiểm tra chiếu bạc thứ hai: Thu giữ số tiền 12.065.000 đồng (Mười hai triệu không trăm sáu mươi năm nghìn đồng). Gồm 09 người ngồi quây tròn trên một chiếc nhựa, phía trên trái một chặn mỏng gồm Lô Thị L (là chủ nhà); Đàm Thị Th6, sinh năm 1994, trú tại xóm Nà Khiêu, xã ĐH, huyện TK; Vương Văn Tr6, sinh năm 1992, trú tại xóm BH, xã CT, huyện TK; Hoàng Văn H6, sinh năm 1993, trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn TK, huyện TK; Nông Thị L2, sinh năm 1975, trú tại xóm SK, xã ĐH, huyện TK; Lê Thị L6, sinh năm 1981, trú tại xóm NN1, xã ĐH, huyện TK; Hà Thị A, sinh năm 1979, trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn TK, huyện TK; Mông Thị H2, sinh năm 1983, trú tại xóm NT, xã ĐH, huyện TK; Nguyễn Duy Ph6, sinh năm 1986, tạm trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn TK, huyện TK. Thu giữ 01 bộ bài 51 lá đang sử dụng, thu giữ trong người Vương Văn Tr6 số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trong người Nông Thị L2 số tiền 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trong người Lê Thị L6 số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trong người Mông Thị H2 số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trong người Nguyễn Duy Ph6 93.000 đồng (Chín mươi ba nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6; thu giữ Đàm Thị Th6 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11; Hoàng Văn H6 01 điện thoại Iphone 7; Lô Thị L 01 điện thoại SAMSUNG; 01 chiếc nhựa và 01 chặn dùm đánh bạc.

Như vậy, trong ngày 01/8/2021 tại nhà Lô Thị L có 18 người chia làm 02 chiếu bạc, mỗi chiếu 09 người đánh bài ăn tiền. Số tiền đánh 01 chiếu là 21.328.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), còn 01 chiếu là 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng số: 139/CT-VKSTK ngày 24/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

[1]. Về tội danh: Bị cáo Lô Thị L phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Mông Thị T1; Hà Thị A, Mông Thị H2, Nguyễn Duy Ph6, Lê Thị L6, Nông Thị L2, Hoàng Văn H6, Vương Văn Trường, Đàm Thị Th6, Nông Thị N6, Mạc Thị M8, Đào Văn Thắm, Mông Thị T5, Hoàng Thị Thê, Hoàng Văn Huỳnh, Lương Thị L4, Nguyễn Duy Ph66 phạm tội “Đánh bạc”.

[2]. Về hình phạt.

1. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lô Thị L, xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc; Và 09 (chín) tháng tù về tội Đánh bạc; Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo Linh phải chấp hành là 21 (Hai mươi một) tháng tù;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mông Thị T1, xử phạt bị cáo **09** (Chín) tháng tù;

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mông Thị T5, xử phạt bị cáo **06** (sáu) tháng tù;

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mông Thị H2, xử phạt bị cáo **06** (sáu) tháng tù;

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Thị L2, xử phạt bị cáo **06** (sáu) tháng tù;

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Thị A, xử phạt bị cáo **06** (sáu) tháng tù;

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị L6, xử phạt bị cáo **06** (sáu) tháng tù;

8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H6, xử phạt bị cáo **06** (sáu) tháng tù;

9. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H666, xử phạt bị cáo số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Ph66, xử phạt bị cáo số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mạc Thị M8, xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn Th66, xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

13. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lương Thị L4, xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

14. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy Ph6, xử phạt bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

15. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vương Văn Tr6, xử phạt bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

16. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đàm Thị Th6, xử phạt bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

17. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Thê, xử phạt bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

18. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Thị N6, xử phạt bị cáo số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án đã tuyên về phần xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung sau:

- Bị cáo Lô Thị L kháng cáo đề nghị chuyển phạt tù sang phạt tù nhưng cho hưởng án treo;
- Bị cáo Mông Thị T1 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.
- Bị cáo Hà Thị A kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.
- Bị cáo Lê Thị L6 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.
- Bị cáo Mông Thị H2 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.
- Bị cáo Nông Thị L2 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.
- Bị cáo Mông Thị T5 kháng cáo đề nghị được phạt tiền thay phạt tù.
- Bị cáo Hoàng Văn H6 kháng cáo đề nghị giảm hình phạt nhẹ nhất.
- Bị cáo Mạc Thị M8 kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tiền.

- Bị cáo Lương Thị L4 kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Tại bản án sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 đã tuyên bố bị cáo Lô Thị L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”; Các bị cáo Mông Thị T1, Hà Thị A, Mông Thị T5; Mông Thị H2, Lê Thị L6, Nông Thị L2, Hoàng Văn H6, Mạc Thị M8 phạm tội “Đánh bạc” là có căn cứ.

Bị cáo Lô Thị L là người trực tiếp chuẩn bị chiếu, bài và sử dụng chỗ ở thuộc quyền sở hữu của mình cho 17 bị cáo khác đánh bạc, bị cáo cũng là người trực tiếp đánh bạc. Bị cáo Linh phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự, bị xử phạt cả hai tội là 21 (Hai mươi một) tháng tù.

Bị cáo Mông Thị T1 phạm tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo bị xử phạt 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng đề nghị giảm hình phạt về tội đánh bạc;

Các bị cáo Hà Thị A, Mông Thị H2, Lê Thị L6, Nông Thị L2, Hoàng Văn H6, Mông Thị T5 bị xử phạt mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù là phù hợp tại thời điểm xét xử sơ thẩm 17/3/2022. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Tuy nhiên các bị cáo Anh, Hanh, Lương, Lụa, Hung, Tuyển xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này thì các bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là đồng phạm giản đơn có vai trò không đáng kể trong vụ án; ngoài ra thời hạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc của các bị cáo đã hết, các bị cáo có nơi cư trú làm việc rõ ràng, có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo và giao các bị cáo cho Cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục để các bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân tốt.

Đối với bị cáo Lương Thị L4 và Mạc Thị M8 kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tiền, xét thấy các bị cáo bị Tòa án sơ thẩm xử phạt 30.000.000đ là thỏa đáng, không có căn cứ xem xét giảm mức hình phạt tiền, do đó cần giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lô Thị L, Mông Thị T1, sửa phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Linh và Thới: Đề nghị giảm hình phạt tội đánh bạc từ 1 đến 3 tháng tù cho bị cáo Linh; giảm 1 đến 2 tháng tù cho bị cáo Thới.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận đơn kháng cáo bổ sung của các bị cáo Hà Thị A; Mông Thị T5, Nông Thị L2, Mông Thị H2, Hoàng Văn H6, Lê Thị L6: Sửa phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm, chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lương Thị L4 và Mạc Thị M8, giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo Lành và Mai tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Linh và Thới đề nghị giảm hình phạt tội đánh bạc; các bị cáo Anh, Tuyên, Lụa, Hanh, Hung, Lương đề nghị được xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo; các bị cáo Lành, Mai đề nghị giảm mức phạt tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm trong phần luận tội đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong được giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của các bị cáo viết trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, do đó kháng cáo là hợp lệ.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đủ căn cứ kết luận:

Trong ngày 01/8/2021 tại nhà bị cáo Lô Thị L có 18 người chia làm 02 chiếu bạc, mỗi chiếu 09 người đánh bài ăn tiền. Số tiền thu giữ 01 chiếu là 21.328.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng), còn 01 chiếu là 30.600.000 đồng (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án số: 17/2022/ HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TK đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng tội, không oan.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án; áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo:

- Bị cáo Lô Thị L kháng cáo đề nghị chuyển phạt tù sang phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

- Bị cáo Mông Thị T1 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.

- Bị cáo Hà Thị A kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.

- Bị cáo Lê Thị L6 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.

- Bị cáo Mông Thị H2 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.

- Bị cáo Nông Thị L2 kháng cáo đề nghị thay hình phạt tù bằng phạt tiền.

- Bị cáo Mông Thị T5 kháng cáo đề nghị được phạt tiền thay phạt tù.

- Bị cáo Hoàng Văn H6 kháng cáo đề nghị giảm hình phạt nhẹ nhất.

- Bị cáo Mạc Thị M8 kháng cáo đề nghị giảm mức hình phạt tiền;

- Bị cáo Lương Thị L4 kháng cáo đề nghị giảm mức hình phạt tiền;

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo Hà Thị A, Mông Thị T5, Nông Thị L2, Mông Thị H2, Hoàng Văn H6, Lê Thị L6 có bổ sung đơn kháng cáo đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo vì các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mong Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Xét vai trò các bị cáo trong vụ án:

+ Bị cáo Lô Thị L: Bị cáo là người trực tiếp chuẩn bị công cụ và sử dụng nhà ở của mình cho 17 người khác cùng tham gia đánh bạc, cũng là người trực tiếp đánh bạc. Bị cáo Linh phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo bị xử phạt cả hai tội là đúng pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thêm điểm c khoản 1 điều 322 của Bộ luật hình sự để áp dụng đối với bị cáo Lô Thị L là không cần thiết, vì bị cáo đã bị truy tố theo điểm b khoản 1 điều 322 Bộ luật hình sự: *“Sử dụng địa điểm của mình cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc..”*. Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng điểm c khoản 1 điều 322 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Linh là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù bị cáo Linh không cung cấp thêm chứng cứ mới cho việc kháng cáo, tuy nhiên bị cáo cũng đề nghị giảm hình phạt và đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm hình phạt tội “Đánh bạc” cho bị cáo Linh, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm hình phạt 01 đến 02 tháng tù cho bị cáo Linh về tội “Đánh bạc”.

+ Bị cáo Mông Thị T1: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên không thuộc trường hợp cho hưởng án treo hoặc phạt tiền, do đó buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **09**

(chín) tháng tù, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng đề nghị giảm hình phạt, chấp nhận giảm hình phạt tù cho bị cáo Mông Thị T1 từ 01 đến 02 tháng tù;

+ Bị cáo Lương Thị L4 và Mạc Thị M8: Hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mỗi bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu) là thỏa đáng, các bị cáo kháng cáo đề nghị giảm hình phạt tiền nhưng không có căn cứ mới nên không chấp nhận đơn kháng cáo của hai bị cáo, cần giữ nguyên mức phạt tiền của bản án sơ thẩm.

+ Đối với các bị cáo: Hà Thị A, Hoàng Văn H6, Nông Thị L2; Mông Thị T5, Mông Thị H2, Lê Thị L6: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, xem xét về nhân thân người phạm tội và quyết định xử phạt mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối Cao về điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (*có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 5 năm 2022*) thì thấy: Các bị cáo Anh, Hanh, Lương, Lua, Hung, Tuyên về nhân thân các bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này thì các bị cáo phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc ít, các bị cáo là đồng phạm giản đơn có vai trò không đáng kể trong vụ án; ngoài ra thời hạn xử phạt vi phạm hành chính của các bị cáo đã quá thời hạn nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Xét thấy: Các bị cáo Anh, Hanh, Lương, Lua, Hung, Tuyên đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Bộ luật hình sự trở lên; Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nơi cư trú, làm việc ổn định, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là không cần thiết, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt nhẹ hơn là phạt tù nhưng cho hưởng án treo và các bị cáo phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc nơi đang công tác để giám sát, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật dựa trên nguyên tắc có lợi cho các bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị giảm hình phạt tù về tội đánh bạc của bị cáo Lô Thị L; chấp nhận đề nghị giảm hình phạt tù về tội đánh bạc của bị cáo Mông Thị T1.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo bổ sung của các bị cáo Hà Thị A; Mông Thị T5; Mông Thị H2; Nông Thị L2; Hoàng Văn H6, Lê Thị L6 đề nghị được phạt tù nhưng cho hưởng án treo vì có căn cứ. Tuy nhiên cần áp dụng thêm khoản 3 điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lương Thị L4 và Mạc Thị M8 đề nghị được giảm mức hình phạt tiền, giữ nguyên phần hình phạt của hai bị cáo.

[6] Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng: Sửa phần hình phạt bản án hình sự sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo Lô Thị L, Mông Thị T1 về tội đánh bạc; sửa phần hình phạt đối với các bị cáo Hà Thị A; Mông Thị T5; Mông Thị H2; Nông Thị L2; Hoàng Văn H6, Lê Thị L6: Chuyển hình phạt tù có thời hạn sang phạt tù nhưng cho hưởng án treo, các bị cáo phải chịu thời gian thử thách theo quy định. Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Lương Thị L4, Mạc Thị M8.

[7] Về án phí: Người kháng cáo không được Tòa án chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người kháng cáo được Tòa án chấp nhận thì không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lô Thị L, Mạc Thị Thới, sửa phần hình phạt đối với bị cáo Lô Thị L, Mông Thị T1 theo bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Thị A, Mông Thị T5, Nông Thị L2, Mông Thị H2, Hoàng Văn H6, Lê Thị L6 đề nghị chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; sửa phần hình phạt đối với các bị cáo Anh, Tuyển, Lụa, Hanh, Hưng, Lương theo bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lương Thị L4, Mạc Thị M8 đề nghị giảm hình phạt tiền. Giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo Lương Thị L4, Mạc Thị M8.

2. Về tội danh:

Bị cáo Lô Thị L phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*”.

Các bị cáo Mông Thị T1; Hà Thị A, Nông Thị L2, Hoàng Văn H6, Mông Thị H2; Mông Thị T5; Lê Thị L6; Mạc Thị M8, Lương Thị L4 phạm tội “Đánh bạc”.

3. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với Lô Thị L. Xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; xử phạt 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **19** (Mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. *(Được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2021 đến ngày 03-12-2021).*

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Mông Thị T1. Xử phạt bị cáo 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. *(Được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/8/2021 đến ngày 30/11/2021).*

+ Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hà Thị A. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H6. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn TK, huyện TK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mông Thị T5. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường HC, thành phố Cao Bằng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Thị L2. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã ĐH, huyện TK, tỉnh Cao Bằng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mông Thị H2. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã ĐH, huyện TK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị L6. Xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã ĐH, huyện TK giám sát giáo dục trong thời gian thử thách;

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mạc Thị M8, xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) để nộp ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lương Thị L4, xử phạt bị cáo số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) để nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo của các bị cáo Lô Thị L, Mông Thị T1, Hà Thị A, Mông Thị T5, Nông Thị L2, Mông Thị H2, Hoàng Văn H6 và Lê Thị L6 được Tòa án chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của các bị cáo Lương Thị L4, Mạc Thị M8 không được Tòa án chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi người là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- STP tỉnh Cao Bằng;
- TAND H. TK;
- VKSND H. TK;
- Công an H. TK;
- CCTHADS H. TK;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ